

UNIT 7. TRAFFIC

PART 1. THEORY

I. VOCABULARY

| No. | English | Type | Pronunciation | Vietnamese |
|-----|--------------------|------|----------------------|------------------------------------|
| 1 | accident | n | /ˈæksɪdənt/ | <i>tai nạn</i> |
| 2 | bike | n | /baɪk/ | <i>xe đạp</i> |
| 3 | bus | n | /bʌs/ | <i>xe buýt</i> |
| 4 | bus stop | n | /bʌs stɒp/ | <i>điểm dừng xe buýt</i> |
| 5 | car | n | /kɑː(r)/ | <i>xe ô tô</i> |
| 6 | crossroad | n | /ˈkrɒs,rəʊd/ | <i>giao lộ</i> |
| 7 | crowded | adj | /ˈkraʊdəd/ | <i>đông đúc</i> |
| 8 | cycle lane | n | /ˈsaɪkl leɪn/ | <i>làn đường dành cho xe đạp</i> |
| 9 | dangerous | adj | /ˈdeɪndʒərəs/ | <i>nguy hiểm</i> |
| 10 | drive | V | /draɪv/ | <i>lái xe</i> |
| 11 | driving license | n | /ˈdraɪvɪŋ ˈlaɪsns/ | <i>bằng lái xe</i> |
| 12 | fly | V | /flaɪ/ | <i>bay</i> |
| 13 | get off | V | /get ɒf/ | <i>xuống (xe)</i> |
| 14 | get on | V | /get ɒn/ | <i>lên (xe)</i> |
| 15 | hospital ahead | phr | /ˈhɒspɪtl əˈhed/ | <i>phía trước có bệnh viện</i> |
| 16 | means of transport | n | /miːnz ɒf ˈtrænsɜːt/ | <i>phương tiện giao thông</i> |
| 17 | motorbike | n | /ˈməʊtəbaɪk/ | <i>xe máy</i> |
| 18 | no cycling | phr | /nəʊ ˈsaɪklɪŋ/ | <i>cấm xe đạp</i> |
| 19 | no parking | phr | /nəʊ ˈpɑːkɪŋ/ | <i>cấm đỗ xe</i> |
| 20 | no right turn | phr | /nəʊ raɪt tɜːn/ | <i>cấm rẽ phải</i> |
| 21 | parking | n | /ˈpɑːkɪŋ/ | <i>(biển báo) cho phép đỗ</i> |
| 22 | pavement | n | /ˈpeɪvmənt/ | <i>vía hè</i> |
| 23 | plane | n | /pleɪn/ | <i>máy bay</i> |
| 24 | railway station | n | /ˈreɪlweɪ ˈsteɪʃn/ | <i>trạm xe lửa</i> |
| 25 | ride | V | /raɪd/ | <i>cưỡi, lái (ngựa, xe 2 bánh)</i> |
| 26 | roof | n | /ruːf/ | <i>mái nhà</i> |

| | | | | |
|----|----------------|-----|------------------|-----------------------------|
| 27 | safety | n | /'seɪftɪ/ | sự an toàn |
| 28 | sail | v | /seɪl/ | chèo (thuyền) |
| 29 | school ahead | phr | /sku:l ə'hed/ | phía trước có trường học |
| 30 | seat belt | n | /si:t belt/ | đai an toàn |
| 31 | speed limit | n | /spi:d 'lɪmɪt/ | tốc độ giới hạn |
| 32 | traffic jam | n | /'træfɪk dʒæm/ | tắc đường |
| 33 | traffic light | n | /'træfɪk laɪt/ | đèn giao thông |
| 34 | traffic rule | n | /'træfɪk ru:l/ | luật lệ giao thông |
| 35 | train | n | /treɪn/ | xe lửa |
| 36 | train ticket | n | /treɪn 'tɪkɪt/ | vé xe lửa |
| 37 | truck | n | /trʌk/ | xe tải |
| 38 | vehicle | n | /'vi:əkl/ | xe cộ |
| 39 | zebra crossing | n | /'zebrə 'krɒsɪŋ/ | vạch kẻ sọc cho người đi bộ |

II. GRAMMAR

1. "It" indicating distance ("It" dùng để nói về khoảng cách)

Chúng ta sử dụng **it** để chỉ khoảng cách giữa hai địa điểm/ người/ vật.

Cấu trúc:

| | |
|--------------------|--|
| Câu hỏi | How far is it from place A to place B? |
| Câu trả lời | It is (about) + khoảng cách. |

Ex 1:

How far is it from your house to the nearest bank? (Khoảng cách từ nhà cậu tới ngân hàng gần nhất là bao xa?)

It is about 3 kilometres. (Khoảng 3km.)

Ex 2:


How far is it from your house to my house? (Khoảng cách từ nhà bạn đến nhà tớ bao xa?)

It is about 200m. (Khoảng 200m.)

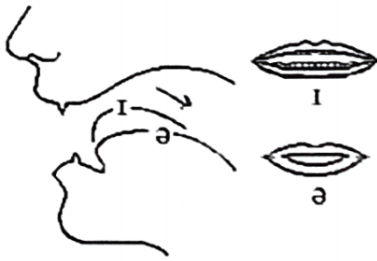
iii. PHONETICS

Cách phát âm âm /aɪ/ và /eɪ/

1. Cách phát âm nguyên âm đôi /aɪ/

| | |
|---|---|
| <p>Bước 1: Bắt đầu từ âm /a/, sau đó di chuyển về phía âm /ɪ/.</p> <p>Bước 2: Khi bắt đầu, miệng mở hình ô van, lưỡi hạ thấp chạm hàm răng dưới. Sau đó, môi dần kéo sang 2 bên về phía tai, hàm dưới nâng lên 1 chút.</p> <p>Bước 3: Kết thúc âm, môi mở hờ.</p> |  |
|---|---|

2. Cách phát âm nguyên âm đôi /eɪ/

| | |
|---|---|
| <p>Bước 1: Bắt đầu từ âm /e/, sau đó di chuyển về phía âm /ɪ/.</p> <p>Bước 2: Khi bắt đầu, miệng mở rộng thoải mái, đầu lưỡi chạm hàm răng dưới, hàm hạ. Sau đó, môi dần kéo sang hai bên về phía tai, hàm dưới nâng lên một chút.</p> <p>Bước 3: Kết thúc âm, môi mở hờ.</p> |  |
|---|---|

✓ Listen and repeat these words. 🎧 Track 01

| | | | | |
|------|--------|-------------|--------|--------|
| /aɪ/ | bike | <u>b</u> uy | guide | pie |
| | /baɪk/ | /baɪ/ | /gaɪd/ | /paɪ/ |
| /eɪ/ | gate | nation | rain | clay |
| | /geɪt/ | /ˈneɪʃn/ | /reɪn/ | /kleɪ/ |

PART 2. LANGUAGE









I. VOCABULARY

Exercise 1. Find the odd one out among A, B, C or D.

| | | | |
|------------------|---------------|------------------|---------------|
| 1. A. riding | B. driving | C. gardening | D. flying |
| 2. A. no cycling | B. no parking | C. no right turn | D. sign |
| 3. A. train | B. plane | C. car | D. sail |
| 4. A. by car | B. on foot | C. by bus | D. by bicycle |
| 5. A. rule | B. ride | C. reverse | D. drive |

Exercise 2. Look at the pictures and put the word/phrase under each sign.

| | | | |
|-------------|------------|----------------|---------------|
| parking | no parking | school ahead | no left turn |
| speed limit | no cycling | hospital ahead | no right turn |

| | | | |
|--|---|--|---|
|  Maximum Speed |  |  |  |
| 1. | 2. | 3. | 4. |
|  |  |  |  |
| 5. | 6. | 7. | 8. |

Exercise 3. Look at the pictures and complete with suitable means of transport.

| | | | |
|---|---|--|---|
|  |  |  |  |
| 1. t _____ | 2. p _____ | 3. h _____ | 4. t _____ |
|  |  |  |  |
| 5. c _____ | 6. b _____ | 7. b _____ | 8. m _____ |

Exercise 4. Complete each phrase below.

| | |
|------------------|-----------------------|
| 1. zebra _____ | 2. _____ license |
| 3. speed _____ | 4. cycle _____ |
| 5. railway _____ | 6. _____ of transport |
| 7. traffic _____ | 8. train _____ |

| | |
|-----------------|-------------------|
| 9. _____ lights | 10. traffic _____ |
|-----------------|-------------------|

Exercise 5. Fill in each blank with a word in the box.

| | | | | |
|-------|----------|-------|--------|-----------|
| feels | rules | it | across | did |
| after | vehicles | break | ride | accidents |

1. What _____ you do last Sunday?
2. I stayed at home and looked _____ my younger brother yesterday.
3. Does your bike ever _____ down on the way to school?
4. We must always obey traffic _____ for our safety.
5. How far is _____ from your house to the bus stop?
6. He used to _____ a tricycle when he was three years old.
7. Now there are more traffic _____ than there used to be in this city.
8. There did not use to be many _____ on the roads in my home town.
9. He lives in a small village in the mountains so he never _____ worried about traffic jams.
10. You should remember to walk _____ the streets at the zebra crossings.

II. GRAMMAR

Exercise 1. Choose the correct option to complete the sentence.

1. How far is it from your apartment (**from/to**) the zoo?
2. It is (**at/ about**) 2 kilometres.
3. It is not very (**near/far**) from my house to the bank. It is just 500 metres.
4. How far (**is it/ it is**) from your country to the USA?
5. How (**far/ much**) is it from your house to the train station?
6. My house is 2 kilometres (**near/ far**) from my grandparents' house.
7. How far (**is it/ are they**) from here to the cinema?
8. I think it is about 400 (**metres/ metre**) from here to the nearest bus stop.
9. My school is not far (**from/ to**) my house. I can go to school on foot every day.
10. How far is it (**from/ at**) your office to the market?

Exercise 2. Fill in the blank with a correct word to complete the sentence.

1. How _____ is it from your house to the park?
 2. How far is it from this restaurant to the nearest _____?
- It is about 1 kilometre from this restaurant to the nearest bank.

- Exercise 3. Decide the following sentences are grammatically correct or incorrect.**

- A. True B. False

It is about 1 kilometer from my hotel to the beach.

Exercise 4 b. Answer the questions using the information in the brackets.

1. How far is it from here to the theatre? (about 400 metres)

2. How far is it from your hometown to Ha Noi? (about 100 kilometres)

3. How far is it from the park to the zoo? (about 2 kilometres)

4. How far is it from here to the city centre? (about 50 kilometres)

5. How far is it from your house to school? (about 1 kilometre)

Exercise 5. Give the correct form of the word given to complete the sentence.

1. Young children are expected to show to their parents. (obey)

2. When cycling on the roads, remember: first. (safe)

3. Children should avoid foods such as hamburgers and chips. (health)

4. Most road accidents happen because the motorists drive. (care)

5. It is unsafe and to pass another vehicle on the left. (legal)

6. My was delayed for over two hours due to bad weather. (fly)

7. Everyone should obey traffic rules for their own safety. (strict)

8. The policeman the car to stop with a flashlight. (sign)

9. Signs with red circles are mostly - that means you can't do something. (prohibit)

10. This sign indicates that traffic lights are ahead. (warn)

III. PHONETICS

Divide these words into two columns as below. * TRACK 02

| | | | | | | | |
|------------------|----------------|---------------|---------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
| wh <u>i</u> le | pa <u>y</u> | ri <u>c</u> e | fi <u>n</u> e | sha <u>d</u> e | ta <u>i</u> l | beh <u>i</u> nd | ch <u>i</u> ld |
| <u>e</u> ight | n <u>i</u> ce | stea <u>k</u> | fa <u>c</u> e | ki <u>n</u> d | si <u>l</u> ent | ra <u>i</u> se | gu <u>i</u> de |
| ama <u>z</u> ing | gu <u>y</u> | ha <u>t</u> e | <u>e</u> ye | ba <u>b</u> by | my | li <u>g</u> ht | pa <u>p</u> er |
| la <u>t</u> er | potat <u>o</u> | sigh | gr <u>a</u> y | i <u>s</u> land | the <u>y</u> | da <u>y</u> | bu <u>y</u> |

| /aɪ/ | /eɪ/ |
|------|------|
| | |

PART 3. COMMUNICATION SKILLS

I. LISTENING

□ Listen and do the tasks followed. * Track 03

Exercise 1. Listen and decide if each statement is True (T) or False (F).

1. Mr. Hoang has no day off except Saturday. _____
2. Mr. Hoang usually spends his day off in front of the TV screen. _____
3. Mr. Hoang doesn't like his job. _____
4. Mr. Hoang is going to retire. _____
5. Mr. Hoang's wife does not want him to retire. _____

Exercise 2. Listen again and answer the questions.

1. What does Mr. Hoang do?

2. What time does he start his work?

3. What is the destination of his route?

4. Why does Mr. Hoang love his job?

5. How many hours does he work on Saturdays?

II. SPEAKING

Write questions for the underlined parts. Then practise the dialogue with your partner.

Mary: Hi Tony! (1) _____

Tony: I came to class late this morning because I was stuck in a traffic jam.

Mary: Really? (2) _____

Tony: Yes, my house is rather far from school.

Mary: (3) _____

Tony: Uhm... about 5 kilometres.

Mary: (4) _____

Tony: I go to school by bike.

Mary: (5) _____

Tony: It takes me about 30 minutes. And it takes longer when the traffic is jammed

Mary: (6) _____

Tony: I get stuck in a traffic jam once or twice a week.

Mary: (7) _____

Tony: I often get stuck in a traffic jam on Monday morning.

Mary: (8) _____

Tony: I usually go to school at 6.15.

Mary: So why don't you start going to school a little earlier on Monday?

Tony: Okay, I'll try.

III. READING

Exercise 1. Read the text and then choose the best answer A, B, C or D.

Yesterday, on the way home from school, I saw an accident. A boy was run over by a taxi when he was riding his bicycle. The boy's leg was broken and it was bleeding badly. Someone there tried to stop the bleeding. They put pressure on it and held it tight. A man used his mobile phone to call the emergency service. Some minutes later, an ambulance arrived and sent the boy to the hospital. Two

policemen came to the scene immediately. Some people told the police that the taxi driver was driving at a very high speed when the accident happened. Some others began talking about the traffic accidents these days and blamed the increasing number of accidents on the roads for careless driving and drunk drivers.

1. What did the writer see yesterday?

- A. A fire B. An accident C. A fighting D. A crash

2. The accident happened between a taxi and _____.

- A. a bus B. a car C. a bicycle D. motorbike

3. The boy was sent to the hospital by _____.

- A. a police B. a car C. an ambulance D. a passenger

4. What part of his body was hurt? – His _____.

- A. arm B. leg C. head D. shoulder

5. How was the driver driving when the accident happened?

- Very _____.

- A. slowly B. fast C. carefully D. well

Exercise 2. Fill in the blank with a word/ phrase in the box.

| | | | |
|------------|-----------|-----------|-----------|
| discourage | transport | pollution | expensive |
| problem | trains | cities | example |

Traffic congestion in many (1) _____ around the world is severe. One possible solution to this (2) _____ is to impose heavy taxes on car drivers and use this money to make public transport better. One of the first benefits of such a measure is that the heavy taxes would (3) _____ car owners from using their cars because it would become very (4) _____ to drive. This would mean that they would begin to make use of public (5) _____ instead, thus reducing traffic problems and (6) _____ as well.

Another benefit would be that much more use would be made of public transport if it was improved. It is often the case that public transport in cities is very poor. For (7) _____, we often see old buses and (8) _____ that people would rather not use. High taxes would generate enough money to make the necessary changes.

Exercise 3. Read the texts about model good road safety behavior at all times for parents, and then answer the questions.

Top tips for pedestrian safety

- Teach your children to hold hands with an adult whenever they go out.
- Always use a zebra crossing when one is available and teach children that these are the safest places to cross.
- Teach children that it's still important to stop, look and listen at a zebra crossing.
- Teach children always to stop at the kerb and look and listen for traffic (a third of children injured on roads said that they didn't stop before stepping off the kerb and many said they didn't look).
- Never use your mobile phone while crossing roads.
- Children learn to make decisions about crossing the road and parents gradually let them take a lead when you are crossing together.
- As children get older, practise routes with them before they walk alone.

Top tips for cycling

- Always encourage children to wear a cycle helmet when they are on their bikes, and set a good example by wearing one yourself.
- Children need to be able to judge speed and distance accurately before they cycle on public roads. They need to take lessons on cycling in order to travel more widely on their bikes.
- Make sure children wear bright coloured clothing and fluorescent items whenever they are cycling on the road. And if they are cycling in the dark, they will need lights on their bikes and reflective items too. And of course, make sure you do this yourself, to set a good example.

1. What should children do when they go out?

2. Where should children cross the street?

3. What should children do to cross the street?

4. Where should children stop to look and listen for the traffic?

5. Can they use their mobile phones while crossing roads?

6. What should parents do to help older children before they walk alone?

7. What should children wear when they are on the bikes?

8. What should children do before they cycle on public roads?

9. Which clothes should children wear whenever they are cycling on the road?

10. What should they do when they cycle in the dark?

IV. WRITING

Exercise 1. Make questions for the underlined parts in the following sentences using question words in brackets.

1. Nam usually goes to school by bus. Sometimes, he rides his bicycle. (How)

2. My father went to the stadium yesterday. (Where)

3. There are a lot of trucks and cars on the highway in the rush hour. (When)

4. The students learn about road signs when they studied in secondary school. (What)

5. Hung always drives his car very carefully. (How)

6. It is about 100 km from Ha Noi to Hai Phong. (How far)

Exercise 2. Reorder the words to have correct sentences.

1. from/ the/ to/ kilometers/ house/ my/ 3/ nearest/ park./ It's

2. from/ far/ house / bus /the / it/ station?/ How/ is/ grandmas / your / to

3. father / gets / rush / My / often / hour. / stuck / in

4. can / go / You / foot. / on / far / here. / It's / from / not

5. bus / 700 / the / my / metres / It's / to / from / station./ office / about

Exercise 3. Look at the information in the box then write questions and answers.

| No. | Place 1 | Place 2 | Distance | Vehicle |
|-----|------------|------------------|-----------------|---------|
| 1. | Ha Noi | Ho Chi Minh City | 1000 kilometres | plane |
| 2. | Ninh Binh | Da Nang | 800 kilometres | train |
| 3. | The park | The zoo | 2 kilometres | bus |
| 4. | The cinema | The museum | 900 metres | bike |

1. *How far is it from Ha Noi to Ho Chi Minh City?*

It's about 1000 kilometres.

How do you get there?

I go by plane.

2. _____

3. _____

4. _____
